Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2937.90.20

Mã HS	2937.90.20
Mô tả hàng hóa	Các hormon, prostaglandins, thromboxanes và leukotrienes, tự nhiên hoặc tái tạo bằng phương pháp tổng hợp; các dẫn xuất và các chất có cấu trúc tương tự của chúng, kể cả chuỗi polypeptit cải biến, được sử dụng chủ yếu như hormon / - Loại khác: / - - Epinephrine; các dẫn xuất của amino - axit
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	09/11/2026 23:17:28
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29379020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4434
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4434
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4434
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4392
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4353
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4353
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4353
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4353
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4353
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4353
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4391
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4391
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4391
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4391

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4391
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4391
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4395
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4395
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4395
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4395
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4395
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4395
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4395
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4359
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4355
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4355
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4355
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4355
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4355
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4355
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4355
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4355
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4355
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4355
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4355
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4355
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4402
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4402
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4402
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4402

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4402
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4402
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D4399
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E4399
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F4399
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G4399
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H4399
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I4399
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4407
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4407
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4407
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4407
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4407
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4407
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4378
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4378
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4378
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4378
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4378
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4378
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4380
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4380
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4380
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4380
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4380
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4380

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4378
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4378
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4378
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4378
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4378
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4378
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4378
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4399
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4399
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4399
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4399
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4399
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4399
RCEP B	2022	2022	0	B!D4399
RCEP B	2023	2023	0	B!E4399
RCEP B	2024	2024	0	B!F4399
RCEP B	2025	2025	0	B!G4399
RCEP B	2026	2026	0	B!H4399
RCEP B	2027	2027	0	B!I4399
RCEP C	2022	2022	0	C!D4399
RCEP C	2023	2023	0	C!E4399
RCEP C	2024	2024	0	C!F4399
RCEP C	2025	2025	0	C!G4399
RCEP C	2026	2026	0	C!H4399
RCEP C	2027	2027	0	C!I4399
RCEP D	2022	2022	0	D!D4399

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4399
RCEP D	2024	2024	0	D!F4399
RCEP D	2025	2025	0	D!G4399
RCEP D	2026	2026	0	D!H4399
RCEP D	2027	2027	0	D!I4399
RCEP E	2022	2022	0	E!D4402
RCEP E	2023	2023	0	E!E4402
RCEP E	2024	2024	0	E!F4402
RCEP E	2025	2025	0	E!G4402
RCEP E	2026	2026	0	E!H4402
RCEP E	2027	2027	0	E!I4402
RCEP F	2022	2022	0	F!D4399
RCEP F	2023	2023	0	F!E4399
RCEP F	2024	2024	0	F!F4399
RCEP F	2025	2025	0	F!G4399
RCEP F	2026	2026	0	F!H4399
RCEP F	2027	2027	0	F!I4399
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4049
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4049
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4049
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4049

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2937.90 có 3 dòng thuế; dòng 2937.90.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Epinephrine; các dẫn xuất của amino - axit.	2937.90.10 Hợp chất amino chức oxy; 2937.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2937.90.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2937.90.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4434), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.